

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2021

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tân An

2. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân quận M.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Ngọc X**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu vực B K, phường P T, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu vực B K, phường P T, quận M, thành phố Cần Thơ, vắng mặt (*xin vắng*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Ngọc X trình bày: Chị và anh Bùi Văn H xây dựng hôn nhân vào năm 2008 do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P T, quận M theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, chị có khuyên ngăn nhưng anh không thay đổi nên thường xuyên cãi vã nhau, chị cố nín nhịn để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không kết quả, nên chị bỗng con bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ đó đến

nay.

Xét thấy cuộc hôn nhân không đạt, kéo dài không có hạnh phúc, nên chị mong muốn trả lại tự do cho nhau theo quy định của pháp luật, nên chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Văn H.

Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Quốc H, (nam) sinh ngày 22/10/2009 và Bùi Thị Ngọc H, (nữ) sinh ngày 22/9/2013. Sau khi ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Bùi Văn H, nhưng bị đơn anh H vắng mặt (có đơn xin vắng mặt) nên vụ án không tiến hành việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa,

- Chị X yêu cầu được ly hôn, được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Anh H vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Lê Ngọc X và anh Bùi Văn H tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P T, quận M, thành phố Cần Thơ vào ngày 07/7/2011 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, chị X, anh H phát sinh mâu thuẫn và chị X có đơn khởi kiện ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Bùi Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Chị X và anh H chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2011, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, theo chị X nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, chị có khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi, nên thường xuyên cãi vã nhau, chị cố nín nhịn

để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không kết quả nên đã sống ly thân từ đó đến nay, nên chị yêu cầu ly hôn.

Về phía anh H, quá trình giải quyết Tòa án đã thực hiện việc triệu tập họp lẽ đúng trình tự quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, nhằm để động viên hàn gắn hạnh phúc gia đình anh lại vắng mặt xin đoàn tụ vì còn thương vợ, nhưng anh có đơn xin vắng mặt hòa giải và xét xử. Điều đó cho thấy anh không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa vợ chồng các đương sự đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc ly hôn theo yêu cầu của chị X là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị.

[4] *Về con chung*: có 02 con chung tên Bùi Quốc H, (nam) sinh ngày 22/10/2009 và Bùi Thị Ngọc H, (nữ) sinh ngày 22/9/2013 hiện chị X đang nuôi, khi ly hôn chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi con và thực tế nguyện vọng của các cháu muốn sống chung với chị nên để tránh gây sự xáo trộn quá lớn trong cuộc sống của trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy rằng nên giữ ổn định cho chị X được tiếp tục nuôi con chung đến trưởng thành là phù hợp.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở thực hiện quyền này.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị X không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của đương sự nên không cần đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do vụ án xét xử vắng mặt bị đơn, nên chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

uyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Ngọc Xn.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Ngọc X được ly hôn với anh Bùi Văn H.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Bùi Quốc H, (nam) sinh ngày 22/10/2009 và Bùi Thị Ngọc H, (nữ) sinh ngày 22/9/2013 cho chị Lê Ngọc X tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh H không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Nguyên đơn chị X phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu số 011522 ngày 26/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành tiền án phí (công nhận chị X đã nộp xong).

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND Phường Phước Thới;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Phi Hùng

